

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 195/2025/HS-PT
Ngày: 16-4-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Xuân Đào

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65A/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo Bùi Trọng D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2024/HSST ngày 27-12-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Trọng D, sinh năm 1987, tại Nghệ An; nơi cư trú: Xóm F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1955 và bà Phan Thị N, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hai T, sinh năm 1990 và các con chung là Bùi Nguyễn Thiện N1, sinh năm 2015, Bùi Nguyễn Huỳnh C, sinh năm 2017 và Bùi Nguyễn Thành S, sinh năm 2019. Tiền sự: Không; tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 tại Trại giam B Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt

Ngoài ra còn có 07 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị bao gồm:

1. **Trần Văn Đ**, sinh năm 1995, tại Đồng Nai; nghề nghiệp: không; Nơi cư trú: tổ A, khu phố P, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Tiền án: Ngày

30/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng 13 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2021 về tội đánh bạc tại Bản án số 24/2021/HSST. Trần Văn Đ bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay.

2. Lý Hải T9, sinh năm 2000, tại Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; Nơi cư trú: khu phố T, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Lý H bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay.

3. Nguyễn T1, sinh năm 1968, tại Đồng Nai; nghề nghiệp: Bảo vệ; Nơi cư trú: tổ A, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nguyễn T1 bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay.

4. Nguyễn Duy K, sinh năm 1992, tại Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; Nơi cư trú: tổ I, ấp D, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Nguyễn Duy K bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đến nay.

5. T11 (tên gốc khác: X), sinh năm 1998, tại Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Tiền sự: Không. Tiền án: Không

Thân Hoàng N2 bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay.

6. Ngô Đức T2, sinh năm 2002, tại Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Ngô Phú T3, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ánh T4, sinh năm 1968; Bị cáo có vợ là Thị Mộng T5, sinh năm 2002; chưa có con chung. Tiền sự: Không; Tiền án: Không

Ngô Đức T2, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến ngày 27/7/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn N3.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LEE YEN FENG, sinh năm 1963
- Chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Hồng T6, sinh năm 1993

Nơi thường trú: Thôn 4, xã Bình Hòa, huyện Krong A Na, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Đường số 5, ấp 1, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền lập ngày 17/07/2024)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Ấp An Bình, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Vũ Thị Tú T7, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Tổ I, ấp D, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

4. Bà Âu Thị Thanh X1, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Tổ F, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

5. Chị Nguyễn Thị Hai T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Dẫn Huyền C1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Tổ B, khu phố T, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2024, Trần Văn Đ làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn N3 (viết tắt là Công ty), thuộc ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai và làm tại bộ phận trộn nguyên liệu. Quá trình làm việc tại đây, Được quen biết với Lý Hải T9, Nguyễn Duy K, Thân Hoàng N2, Ngô Đức T2, Thổ P (là những công nhân cùng làm việc tại Công ty), Nguyễn T1 (là bảo vệ Công ty) và Bùi Trọng D (người chuyên thu mua phế liệu của Công ty). Đồng thời trong quá trình này, Được thấy được những sơ hở của Công ty trong quá trình quản lý nguyên vật liệu.

Sau khi nghỉ việc, do không có tiền tiêu xài nên khoảng giữa tháng 6/2024, Được liên lạc và trao đổi với T9 về việc trộm cắp hạt nhựa của Công ty, T9 đồng ý và trao đổi lại với K, K đồng ý. Được liên hệ với T1 (là bảo vệ khu vực cổng chính của Công ty) thỏa thuận về việc không kiểm tra khi T9 và K đưa tài sản trộm cắp ra qua cổng Công ty, mỗi lần như vậy Được sẽ chia cho T1 1.000.000 đồng, T1 đồng ý. Sau đó, Đ tiếp tục liên lạc và trao đổi với D về việc Được lấy hạt nhựa trong Công ty ra bán cho D, D đồng ý mua với giá 20.000 đồng/kg (lúc này Đ không nói với D hạt nhựa là tài sản trộm cắp, D nghĩ là hạt nhựa phế liệu nên đồng ý mua, sau khi mua xong lần 1 thì D mới biết tài sản do Được trộm cắp).

Sau khi đã thỏa thuận xong, các bị cáo thực hiện 08 lần trộm cắp hạt nhựa của Công ty N3, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày 24/6/2024, T9 và K làm ca đêm, trong lúc trộn nguyên liệu thì cả 02 lấy trộm 25 bao hạt nhựa (mỗi bao có trọng lượng 25kg, 25 bao = 625kg) bỏ vào 01 thùng gỗ trong Công ty, sau đó lấy xe nâng tay của Công ty đến đẩy thùng gỗ ra trước cổng Công ty, khi đẩy ra cổng, T9 và K lấy một ít bao rác, nhựa phế liệu phủ lên phía trên để ngụy trang, tránh bị phát hiện và để thùng gỗ cách cổng Công ty khoảng 20m. Lúc này, T9 gọi điện thoại cho Đ để thông báo là đã lấy trộm được 25 bao hạt nhựa, sau khi nhận thông báo, Đ gọi điện thoại cho D để bán hạt nhựa. D liên lạc với anh Nguyễn Văn T8,

sinh năm 1989, ngụ tại khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai để thuê T8 tự bốc hạt nhựa lên xe chở về cho D tại kho của D thuộc ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, mỗi chuyến D trả cho T8 400.000 đồng, T8 đồng ý. Sau khi chở về kho, D kiểm tra đủ, đúng số lượng và gọi điện thoại cho Đ thông báo đã nhận đủ hàng. D sử dụng số tài khoản của mình chuyển đến số tài khoản của Được số tiền 12.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ D, Được giữ lại 5.500.000 đồng, chuyển khoản cho T1 1.000.000 đồng, chuyển khoản cho T9 6.000.000 đồng. Sau khi nhận được 6.000.000 từ Được, T9 chuyển khoản cho K 1.500.000 đồng và giữ lại 4.500.000 đồng.

Lần 2: Cũng với hình thức và thủ đoạn giống như lần 1. Khoảng 19 giờ ngày 28/6/2024, K và T9 lấy được 25 bao hạt nhựa (625kg). Sau khi nhận hàng, D chuyển khoản cho Được số tiền 12.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Được giữ lại 6.000.000 đồng, chuyển khoản cho T1 1.000.000 đồng, chuyển khoản cho T9 5.500.000 đồng, T9 chuyển khoản cho K 1.500.000 đồng và giữ lại 4.000.000 đồng.

Từ lần này trở đi thì D thuê thêm anh Lý H1, sinh năm 1990, ngụ tại ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai đi theo xe của T8 để bốc hàng hộ T8, mỗi lần như vậy D trả cho H1 từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Lần 3: Cũng với hình thức và thủ đoạn giống như lần 1. Khoảng 19 giờ ngày 30/6/2024, K và T9 lấy trộm được 30 bao hạt nhựa (750kg), sau khi nhận hàng, D chuyển cho Được 15.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Được giữ lại 8.500.000 đồng, chuyển cho T1 1.000.000 đồng, chuyển khoản cho T9 5.500.000 đồng, T9 chuyển khoản cho K 1.500.000 đồng và giữ lại 4.000.000 đồng.

Lần 4: Cũng phương thức và thủ đoạn giống như những lần trước. Khoảng 19 giờ ngày 04/7/2024, T9 và K lấy trộm được 23 bao hạt nhựa (575kg). Sau khi nhận hàng, D chuyển cho Được số tiền 11.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Được giữ lại 7.500.000 đồng, chuyển cho T9 4.000.000 đồng, T9 chuyển khoản cho K 1.000.000 đồng và giữ lại 3.000.000 đồng (lần này Đ không chuyển cho T1).

Lần 5: Cũng như những lần trước, khoảng 19 giờ ngày 06/7/2024, K và T9 lấy được 30 bao hạt nhựa (750kg). Sau khi nhận được hàng, D chuyển cho Được số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Được giữ lại số tiền 8.500.000 đồng, chuyển khoản cho T1 1.000.000 đồng, chuyển cho T9 5.500.000 đồng, T9 chuyển khoản K 1.500.000 đồng và giữ lại 4.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 08/7/2024, T9 và K đổi qua làm ca ngày, T2 và N2 làm ca đêm. Lúc này, T9 và K trao đổi và chỉ cách thức lấy trộm hạt nhựa cho N2 và T2, N2 và T2 đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, cũng hình thức như trên, N2 và T2 lấy trộm được 30 bao hạt nhựa (750kg), N2 liên lạc với Được để thông báo đã lấy trộm được 30 bao hạt nhựa. Sau khi nhận hàng, D chuyển khoản cho Được 15.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Được giữ lại 5.000.000 đồng và

chuyển khoản cho T1 1.000.000 đồng, chuyển khoản cho T2 4.500.000 đồng, chuyển khoản cho T9 4.500.000 đồng (trong đó lần này T9 được chia 2.250.000 đồng, N2 được chia 2.250.000 đồng nhưng do trước đây N2 còn nợ T9 2.250.000 đồng nên N2 nói với Đ chuyển luôn cho T9 số tiền này để trừ nợ cho N2), T9 chuyển khoản cho K 500.000 đồng và giữ lại 4.000.000 đồng.

Lần 7: Cũng hình thức như trên, ngày 12/7/2024, T2 và N2 làm ca đêm, nhưng lần này N2 chỉ thực hiện một mình. Khoảng 19 giờ cùng ngày, N2 lấy trộm được 25 bao hạt nhựa (625kg). Sau khi nhận hàng xong, D chuyển khoản cho Được 12.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Được giữ lại 3.500.000 đồng, chuyển khoản cho T1 1.000.000 đồng, chuyển khoản cho N2 4.500.000 đồng và chuyển khoản cho T9 3.500.000 đồng, T9 chuyển khoản cho K 500.000 đồng.

Lần 8: Ngày 16/7/2024, cũng hình thức như trên, N2 một mình lấy trộm 25 bao hạt nhựa (625kg). Sau khi lấy được hạt nhựa, N2 bàn bạc với Thổ P về việc đưa số hạt nhựa lấy trộm được ra ngoài cổng và sẽ trả cho P 300.000 đồng, P đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, N2 và P đưa số tài sản trộm cắp được ra ngoài cổng. Sau khi nhận hàng, D nhờ vợ là chị Nguyễn Thị Hai T, sinh năm 1990, ngụ tại xóm F xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An chuyển khoản cho Được số tiền 12.000.000 đồng thông qua số tài khoản 1026152193, mang tên Nguyễn Thị Hai T, ngân hàng V chuyển đến tài khoản vợ Được, mang tên Nguyễn Thị Thùy L, số tài khoản 1020644354, ngân hàng V. Sau khi nhận được tiền, Đ nói với vợ là chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1994, ngụ tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai chuyển khoản trước cho T9 2.000.000 đồng. Ở lần này, sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản, N2 đang từ cổng Công ty đi vào thì bị Công ty phát hiện và trình báo Cơ quan Công an.

Tổng các bị cáo thực hiện 08 lần trộm cắp 213 bao hạt nhựa, với trọng lượng 25kg/bao, tổng 213 bao = 5.325kg. Bị cáo D mua hạt nhựa từ bị cáo Đ với giá 20.000 đồng/kg, sau mỗi lần mua xong hạt nhựa, D lên mạng xã hội tìm kiếm người thu mua phế liệu và liên lạc, chở lên Thành phố Hồ Chí Minh bán với giá 27.000 đồng/kg (D không nhớ người mua là ai, địa chỉ cụ thể ở đâu), tổng số tiền D thu lợi bất chính là $7.000\text{đồng/kg} \times 5.325\text{kg} = 37.275.000$ đồng.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/HĐĐGTSTTTHS ngày 05/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, kết luận: 5.325 kg hạt nhựa ABS cấp 5000M, nhập khẩu Đài Loan (thời điểm 16/7/2024), có giá trị: 194.905.650 đồng.

* Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xám (đã qua sử dụng) của bị cáo P; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A05, màu bạc (đã qua sử dụng) của bị cáo T1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xám (đã qua sử dụng) của bị cáo D; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo T2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh dương (đã qua sử dụng) của bị cáo T9; 01 điện

thoại di động hiệu Iphone X, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo N2 và 01 điện thoại di động Oppo, màu xanh dương (đã qua sử dụng) của bị cáo K, qua quá trình điều tra xác định các điện thoại này là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, hiện đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự theo quy định. Tiếp tục tạm giữ số tiền thu lợi bất chính mà gia đình bị cáo D giao nộp là 37.275.000 đồng để phục vụ công tác thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty TNHH N3 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 194.905.650 đồng, hiện gia đình các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền này cho Công ty, Công ty không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 193/2024/HS-ST ngày 27-12-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đã tuyên bố Trần Văn Được Lý Hải T9, Nguyễn Duy K, Nguyễn T1, Thân Hoàng N2, Ngô Đức T2 và Thổ P phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ từ 03 (Ba) năm tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lý Hải T9 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù. Bị cáo Nguyễn T1 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù. Bị cáo Nguyễn Duy K 02 (Hai) năm tù. Bị cáo Thân Hoàng N2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 18/7/2024.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Ngô Đức T2 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (T10) tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Bùi Trọng D 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2024.

Ngoài ra bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/01/2025, bị cáo Bùi Trọng D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định điểm c, d khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định. Tuy nhiên mức án 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đồng thời tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới, gia đình bị cáo có công với

cách mạng, ông nội bị cáo là thương binh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo. Đối với phần biện pháp tư pháp, tòa án cấp sơ thẩm tuyên không đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Bùi Trọng D trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Trọng D đã khai nhận hành vi phạm tội. Từ ngày 24/6/2024 đến ngày 16/7/2024, Trần Văn Đ cấu kết với Lý Hải T9, Nguyễn Duy K, Nguyễn T1, Thân Hoàng N2, Ngô Đức T2 và Thổ P lén lút lấy trộm hạt nhựa nguyên liệu của Công ty TNHH N3, thuộc ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai 08 lần, với tổng trọng lượng hạt nhựa là 5.325kg, có giá trị 194.905.650 đồng. Từ ngày 24/6/2024 đến ngày 16/7/2024, bị cáo Bùi Trọng D mua tài sản do Được trộm cắp mà có, tổng 08 lần tổng trọng lượng hạt nhựa là 5.325kg, giá 20.000 đồng/kg. Sau mỗi lần mua được tài sản trộm cắp từ Được thì bị cáo D lên mạng xã hội tìm người thu mua phế liệu và chở lên Thành phố Hồ Chí Minh bán với giá 27.000.đồng/kg, thu lợi bất chính 37.275.000 đồng.

[3] Về tội danh đối với bị cáo: Quá trình điều tra, Trần Văn Đ khai trước khi trộm cắp tài sản có gọi điện cho bị cáo D để D sẽ mua lượng hạt nhựa khi Được trộm cắp được. Tại phiên tòa sơ thẩm Trần Văn Đ đã khai không thỏa thuận trước với D. Lời khai của bị cáo Bùi Trọng D trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều xác định bị cáo không có hứa hẹn, bàn bạc hoặc thỏa thuận trước với Trần Văn Đ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định bị cáo D đồng phạm với các bị cáo khác về tội trộm cắp tài sản. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi Trọng D về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Tòa án cấp sơ xử phạt bị cáo Bùi Trọng D mức án 03 năm 06 tháng tù so với các bị cáo trộm cắp tài là có phần nghiêm khắc. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động với gia đình để bồi thường thiệt hại. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm được tình tiết mới, gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội của bị cáo là thương binh trong kháng chiến chống Pháp. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có 03 con còn nhỏ, 01 con bị teo cơ chân bẩm sinh; 02 con bị sút môi. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, xử bị cáo dưới khung hình phạt, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải nộp lại tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Trần Văn Đ phải nộp lại số tiền 54.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn T1 phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng; bị cáo Lý Hải T9 phải nộp lại số tiền 26.250.000 đồng; bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo Ngô Đức T2 phải nộp 4.500.000 đồng, bị cáo Thân Hoàng N2 phải nộp số tiền 6.750.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Mặc dù cáo bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nhưng căn cứ Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xét lại về khoản tiền thu lợi bất chính mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty N3 số tiền cụ thể: Trần Văn Đ số tiền 34.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn T1 số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Lý Hải T9 số tiền 34.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Duy K số tiền 34.500.000 đồng; bị cáo Ngô Đức T2 số tiền 8.000.000 đồng, bị cáo Thân Hoàng N2 số tiền 25.000.000 đồng và bị cáo Bùi Trọng D 35.405.650 đồng, bị cáo Thổ P số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng gia đình các bị cáo đã bồi thường cho Công ty số tiền 194.905.650 đồng (bút lục 410). Xét thấy, gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho bị hại, số tiền thu lợi từ việc bán tài sản ít hơn số tiền các bị cáo đã bồi thường cho bị hại. Thấy rằng, các bị cáo không thu lợi bất chính từ khoản tiền này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc các bị cáo phải nộp số tiền đã bán tài sản do trộm cắp của bị hại để sung vào ngân sách Nhà nước, là trái với hướng dẫn của Điều 7 Mục I Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao nên cần sửa án sơ thẩm về biện pháp tư pháp theo hướng không buộc các bị cáo Nguyễn T1 phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng; bị cáo Lý Hải T9 phải nộp lại số tiền 26.250.000 đồng; bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo Ngô Đức T2 phải nộp 4.500.000 đồng, bị cáo Thân Hoàng N2 phải nộp số tiền 6.750.000 đồng phải nộp tiền để sung vào ngân sách Nhà nước.

Riêng đối với bị cáo Đ là người chủ mưu, cầm đầu bị cáo đã thu được số tiền do trộm cắp mà có là 54.500.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 34.500.000 đồng. Vậy bị cáo Đ thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng, do vậy cần sửa án sơ thẩm buộc bị cáo Đ phải nộp số tiền 20.000.000 để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Bùi Trọng D phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” về trách nhiệm bồi thường trong vụ án này thuộc về các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo D vẫn bồi thường cho Công ty. Tại

phiên tòa sơ thẩm bị cáo không có thắc mắc khiếu nại gì về phần bồi thường thay cho các bị cáo trong vụ án. Do vậy, số tiền 37.275.000 là tiền thu lợi bất chính, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo D phải nộp số tiền 37.275.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Trọng D.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2024/HS-ST ngày 27-12-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai về hình phạt đối với bị cáo Bùi Trọng D và về biện pháp tư pháp.

Tuyên bố bị cáo Bùi Trọng D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bùi Trọng D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2024.

4. Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo Trần Văn Đ phải nộp số tiền 20.000.000 đồng; bị cáo Bùi Trọng D phải nộp số tiền 37.275.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Nguyễn T1; Lý Hải T9; Nguyễn Duy K; Ngô Đức T2; Thân Hoàng N2 không phải nộp tiền thu lợi bất chính.

5. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Long Khánh(2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP Long Khánh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- CQCSĐT Công an TP Long Khánh;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS Công an TP Long Khánh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Chi cục THADS TP Long Khánh;
- Nhà tạm giữ TP Long Khánh;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng (3).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN `TÒA

Đỗ Thị Nhung

